BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 522 /BTC-TTr	
V/v triển khai thực hiện công tác THTK,CLP năm 2013	*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2013*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) trong năm 2013 và những năm tiếp theo, bảo đảm đúng quy định của Luật THTK, CLP và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP *(Chỉ thị số 21- CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh THTK, CLP; Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí" giai đoạn 2012 - 2016; Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường THTK, CLP; ...)*, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 (*sau đây gọi chung là "Bộ, ngành, địa phương"*):

1. Khẩn trương xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch tăng cường THTK, CLP bảo đảm đúng yêu cầu, quy định của Luật THTK, CLP; Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP. Trong Chương trình, kế hoạch THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương cần thể hiện rõ các mục tiêu, giải pháp, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá cụ thể trong từng lĩnh vực quy định tại Luật THTK, CLP làm cơ sở sơ kết, tổng kết kết quả THTK, CLP. Đồng thời, quy định rõ cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo công tác THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý quán triệt và thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung về THTK, CLP đã được đề ra trong các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THTK, CLP để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân hiểu đúng và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP.

4. Thực hiện triệt để các giải pháp THTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; đầu tư xây dựng; tổ chức hội nghị, lễ kỷ niệm; tổ chức các đoàn đi công tác trong và ngoài nước theo đúng yêu cầu tại Chỉ thị số 21- CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu kịp thời và bảo đảm chất lượng phục vụ công tác giám sát của Quốc hội về chuyên đề việc thi hành Luật THTK, CLP trong sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cho đầu tư xây dựng cơ bản, giai đoạn 2006-2012 (theo Nghị quyết số 34/2012/NQ-QH13 ngày 15/11/2012, kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XIII).

6. Các Bộ, ngành, địa phương lập báo cáo, đánh giá về tình hình, tiến độ, kết quả THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương mình gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ theo quy định:

a) Nội dung báo cáo công tác THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương bao gồm: Đánh giá tình hình, kết quả THTK, CLP trong từng lĩnh vực được quy định tại Luật THTK, CLP; việc thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ và Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ (Đề cương hướng dẫn xây dựng báo cáo kèm theo Công văn này) đã thực hiện trong từng Quý và năm 2013. Báo cáo tổng hợp của năm 2013 bao gồm cả tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong Quý IV năm 2012. Các Bộ, ngành, địa phương tham khảo mẫu biểu tổng hợp kết quả THTK, CLP tại Phụ lục kèm theo Công văn này, để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức trực thuộc theo dõi, cập nhật và tổng hợp, báo cáo về kết quả THTK, CLP.

b) Về thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo tình hình. kết quả THTK, CLP hằng Quý gửi trước ngày 20 tháng cuối Quý; Báo cáo tổng hợp công tác THTK, CLP năm 2013 gửi trước ngày 31/8/2013, để kịp thời gian tổng hợp, xây dựng báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 6.

c) Các Bộ, ngành, địa phương được các cơ quan của Quốc hội giám sát việc thực hiện Luật THTK, CLP gửi Báo cáo phục vụ công tác giám sát của Quốc hội về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp và phối hợp thực hiện.

Chi tiết xin liên hệ với Thanh tra Bộ Tài chính, số điện thoại tổng đài 04.22202828 (số máy lẻ 8554); thư điện tử thanhtra6@mof.gov.vn)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TTra.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN
Xây dựng báo cáo định kỳ về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

(Kèm theo Công văn số 522/BTC-TTr ngày 10 / 1 /2013 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 (*sau đây gọi chung là "Bộ, ngành, địa phương"*) xây dựng báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) định kỳ hằng quý và báo cáo đánh giá tình hình, kết quả THTK, CLP năm 2013 của Bộ, ngành, địa phương mình theo các nội dung sau:

I. Báo cáo, đánh giá về tình hình, tiến độ, kết quả công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Luật THTK, CLP và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP

1. Về xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch THTK, CLP năm 2013; chương trình THTK, CLP dài hạn của Bộ, ngành, địa phương và của các cơ quan, tổ chức trực thuộc theo quy định của Luật THTK, CLP và việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quy định pháp luật về THTK, CLP, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP của Bộ, ngành, địa phương trong kỳ báo cáo: *Nêu rõ nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến đã thực hiện; kết quả thu được (số lượng, số lượt đơn vị thực hiện; số người được tuyên truyền, phổ biến,..v..v...).*

3. Về việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản pháp quy; tiêu chuẩn, định mức, chế độ; quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý áp dụng trong nội bộ, để làm cơ sở THTK, CLP theo quy định của Luật THTK, CLP (ban hành theo thẩm quyền hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành): *Nêu rõ số lượng và loại văn bản đã ban hành; đánh giá, nhận định về tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản pháp quy, tiêu chuẩn, định mức, chế độ và các quy trình, quy chế nội bộ.*

4. Về những giải pháp, sáng kiến trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Bộ, ngành, địa phương đã mang lại hiệu quả và góp phần ngăn ngừa thất thoát, lãng phí: *Nêu rõ, phân tích cụ thể về những giải pháp, sáng kiến THTK, CLP đã thực hiện trong kỳ báo cáo, kết quả thu được hoặc dự kiến hiệu quả về kinh tế - xã hội từ việc thực hiện các giải pháp, sáng kiến.*

5. Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP theo quy định và việc xử lý vi phạm pháp luật về THTK, CLP; các vụ việc gây lãng phí tại các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương trong kỳ báo cáo: *Việc xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP; số lượng cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP; số vụ việc, số lượng đơn vị, số người có vi phạm, lãng phí đã được phát hiện, chấn chỉnh và xử lý theo quy định; giá trị, số lượng, khối lượng tài sản bị vi phạm, lãng phí đã được phát hiện và việc xử lý, khắc phục hậu quả; .v..v...*

6. Báo cáo của các Bộ, ngành ở Trung ương cần có đánh giá, phân tích về tình hình, kết quả thực hiện quy định tại Điều 64 và từ Điều 67 đến Điều 74 Luật THTK, CLP (về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ). Báo cáo của các địa phương cần có đánh giá, phân tích tình hình, kết quả thực hiện quy định tại Điều 66, Điều 75 và Điều 76 của Luật THTK, CLP (về trách nhiệm của HĐND, UBND các cấp). Báo cáo của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 cần có đánh giá, phân tích việc thực hiện quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật THTK, CLP (về trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước,người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp).

II. Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành, địa phương

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, địa bàn quản lý, lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh và các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá THTK, CLP đã đề ra trong chương trình, kế hoạch THTK, CLP để tổng hợp, báo cáo kết quả THTK, CLP trong từng lĩnh vực quy định của Luật THTK, CLP (lượng hoá bằng số liệu cụ thể, như: Số tiền, giá trị tài sản, số lượng tài sản, khối lượng, số ngày công lao động đã tiết kiệm được hoặc số liệu so sánh về mức độ, sự chuyển biến tích cực, hiệu quả thu được về kinh tế - xã hội thu được, .v..v...) , gồm:

1. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN).

2. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản nhà nước.

3. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí NSNN và công trình phúc lợi công cộng.

4. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

5. THTK, CLP trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

6. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

7. THTK, CLP trong sản xuất, tiêu dùng của nhân dân.

III. Báo cáo đánh giá về những tồn tại, hạn chế trong công tác THTK, CLP và những kiến nghị, đề xuất để tăng cường THTK, CLP

1. Đánh giá và phân tích rõ những việc (vấn đề) còn tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh; trong quản lý tiền, tài sản của Nhà nước, tài nguyên thiên nhiên, lao động và thời gian lao động, trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn quản lý; tồn tại, hạn chế trong việc triển khai, thực hiện quy định pháp luật về THTK, CLP và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP. Nguyên nhân và giải pháp, kế hoạch chấn chỉnh, khắc phục tồn tại hạn chế.

2. Báo cáo rõ về những vướng mắc, bất cập trong việc triển khai thực hiện quy định pháp luật, giải pháp THTK, CLP và ý kiến đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội nhằm tăng cường THTK, CLP.

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số 522 /BTC-TTr ngày 10 / 01 /2013 của Bộ Tài chính)

MẪU BIỂU THEO DÕI, TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC THTK, CLP

TÊN CƠ QUAN LẬP BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: ...(Quý, năm) ...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
I	**TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)**								
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**								
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng							
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng							
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác								
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**								
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:								Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*							
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*							
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:								Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng							
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng							
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng							
	Các nội dung khác								
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng							
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng							
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng							
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị							
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị							
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng							
4	**Các nội dung khác**								
II	**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**								
1	**Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm**	dự án							
2	**Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:**	triệu đồng							
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*							
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*							
	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*							
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*							
3	**Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch**	triệu đồng							
4	**Các dự án thực hiện chậm tiến độ**	dự án							
5	**Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ**								
	Số lượng	dự án							
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng							
6	**Các nội dung khác**								
III	**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG**								
1	**Trụ sở làm việc**								
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2							
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2							
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2							
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2							
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng							
2	**Nhà công vụ**								
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2							
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2							
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2							
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2							
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2							
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng							
3	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**								
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc							
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc							
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc							
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng							
4	**Tài sản khác**								
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản							
4.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản							
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng							
5	**Các nội dung khác**								
IV	**QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**								
1	**Quản lý, sử dụng đất**								
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2							
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác								
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**								
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ							
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng							
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**								
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án							
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng							
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt								
4	***Các nội dung khác***								
V	**TRONG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC**								
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ							
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng							
3	**Số lượng thủ tục hành chính không cần thiết đã cắt giảm, điều chỉnh**	thủ tục							
4	**Các nội dung khác**								
VI	**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**								
1	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**								
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng							
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng							
	Tiết kiệm điện	Kw/h							
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)							
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng							
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng							
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	triệu đồng							
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng							
2	**Quản lý đầu tư xây dựng**								
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án							
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được								
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*							
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*							
	Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*							
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*							
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn								
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	*dự án*							
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	*triệu đồng*							
2.5	Các nội dung khác								
3	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN**								
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng							
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng							
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng							
4	**Mua sắm tài sản, phương tiện**								
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con								
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc							
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc							
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc							
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc							
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng							
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc							
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng							
5	**Nợ phải thu khó đòi**								
	Số đầu kỳ	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
6	**Vốn chủ sở hữu**								
	Số đầu năm	triệu đồng							
	Số cuối kỳ	triệu đồng							
VII	**THTK, CLP TRONG SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG CỦA CÁ NHÂN, TRONG NHÂN DÂN**								
1	**Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP**	**Lượt hộ**							
2	**Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện**	**Vụ**							
VIII	**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THTK,CLP**								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu Quý IV năm trước	Số liệu năm báo cáo				Ghi chú
					Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	
1	2	3	4 = 5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	12
1	**Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK,CLP đã triển khai, thực hiện**	cuộc							
2	**Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK,CLP đã hoàn thành**	cuộc							
3	**Số lượng cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra**	đơn vị							
4	**Số lượng cơ quan, tổ chức có lãng phí, vi phạm pháp luật về THTK,CLP phát hiện được**	đơn vị							
5	**Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát**	triệu đồng							
6	**Giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi**	triệu đồng							
7	**Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK,CLP**	người							
	Xử lý hành chính, kỷ luật	người							
	Xử lý hình sự	người							

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* **CHÚ THÍCH:**

1 Số liệu Báo cáo Quý cập nhật vào cột tương ứng; số liệu Báo cáo Năm phản ánh vào cột (4) là số liệu tổng hợp từ ngày 01/9 năm trước đến thời điểm báo cáo.

2 Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương ứng trong cột (2) "Nội dung" và các cột tương ứng với kỳ báo cáo.

3 Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc so sánh giữa chương trình, kế hoạch THTK, CLP đã đề ra với thực tế thực hiện, hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát.